

Số: /BC-VPUB

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả cải cách hành chính năm 2021

Thực hiện Công văn số 167/UBND-VXNV ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ;

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả cải cách hành chính năm 2021, cụ thể như sau:

A. PHẠM VI ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH:

1. Về kế hoạch cải cách hành chính:

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính và Kế hoạch về công tác tuyên truyền cải cách hành chính theo quy định.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

- Tiếp tục chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh duy trì việc đổi mới đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 về việc ban hành Quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Công đoàn cơ sở Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục thực hiện Kế hoạch liên tịch số 234/KHLT-VPUB-CĐVP ngày 07/02/2017 về việc kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính nhằm tiếp tục triển khai thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh tại Công văn số 5258/UBND-KGVX ngày 27/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đẩy mạnh tổ chức thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 07/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường thực hiện nghiêm minh kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Công văn số 1186/UBND-VXNV ngày 27/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đổi mới, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác quản lý và thực hiện nghiêm kỷ luật kỷ cương hành chính tại các Sở, ban, ngành và địa phương.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 36/QĐ-VPUB ngày 17/8/2019 về việc tổ chức lại Tổ kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác kiểm tra về công tác cải cách hành chính đối với các đơn vị, phòng ban trực thuộc thông qua việc thường xuyên chỉ đạo tăng cường cải cách hành chính, kiểm tra đột xuất tại các phòng, ban về giờ giấc làm việc, kiểm tra việc chấp hành gửi văn bản qua hệ thống TD Office của từng chuyên viên, việc phát hành văn bản scan trong nội bộ Văn phòng (không phát hành văn bản giấy); việc giải quyết hồ sơ một cửa của các phòng chuyên môn (thông qua thống kê nội bộ về kết quả giải quyết hồ sơ một cửa hàng tháng để đánh giá tại cuộc họp Chi bộ). Bên cạnh đó, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp tục thực hiện Công văn số 1524/VPUB-KGVX ngày 14/5/2019 để chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước đối với công chức, viên chức thuộc Văn phòng; Công văn số 923/VPUB-KGVX ngày 29/3/2019 về việc tăng cường công tác kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính và xử lý hồ sơ công việc của chuyên viên; Công văn số 1774/VPUB-KGVX ngày 29/5/2019 về việc cung cấp thông tin hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có kết quả giải quyết.

- Việc kiểm tra cải cách hành chính trong năm 2021 vẫn duy trì thực hiện phối hợp đề nghị các Sở, ban, ngành và địa phương cùng phối hợp chặt chẽ trong việc cung cấp thông tin hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có kết quả giải quyết để Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thúc đẩy việc tham mưu giải quyết hồ sơ của chuyên viên kịp thời, hiệu quả nhằm hạn chế việc để hồ sơ quá hạn.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính:

- Tiếp tục tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về cải cách hành chính cụ thể như: Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 26/7/2016 của Tỉnh ủy về nâng cao Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) của tỉnh Ninh Thuận; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Kế hoạch thực hiện các giải pháp đột phá nhằm cải thiện các chỉ số cải cách hành chính; việc duy trì, phát triển Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 03/9/2014 của Tỉnh ủy và Chỉ thị số 24/CT-UBND ngày 10/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 07/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường thực hiện nghiêm minh kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Tiếp tục chỉ đạo tăng cường đăng tin trên văn bản chỉ đạo điều hành, viết tin, bài về cải cách hành chính trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; lồng ghép nội dung tuyên truyền cải cách hành chính vào trong các cuộc họp, hội nghị, sinh hoạt

pháp luật sáng thứ hai hàng tháng... để phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác tại Văn phòng.

- Mở hộp thư dùng chung trong nội bộ Văn phòng về cải cách hành chính để cập nhật các văn bản chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến công tác cải cách hành chính để chia sẻ thông tin, tạo thuận lợi trong công tác cải cách hành chính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH:

1. Cải cách thể chế:

- Đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 93/2018/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường công tác kiểm soát thủ tục hành chính: Công văn số 2965/UBND-KSTTHC ngày 12/7/2019 về việc tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 về phê duyệt kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019.

- Đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, biên chế của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tiếp tục cập nhật các văn bản chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quyết định công bố thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lên Cổng thông tin điện tử tỉnh để kịp thời công bố, vừa phục vụ nhiệm vụ chính trị chung, vừa đảm bảo tính công khai, minh bạch trong cải cách hành chính.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

- Đã niêm yết công khai đầy đủ các quy định về thủ tục hành chính tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại trụ sở cơ quan và đăng trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; đồng thời công khai: địa chỉ thư điện tử; địa chỉ cơ quan, số điện thoại chuyên dùng... của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 16/VPUB-KSTTHC ngày 02/01/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức kiểm tra, rà soát kỹ để đảm bảo các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được ban hành theo đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật; đã ban hành nhiều văn bản nhắc nhở các Sở, ngành khẩn trương tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính sau khi Bộ, ngành Trung ương công bố; tham gia góp ý, thẩm định và kiểm soát chất lượng đối với thủ tục hành chính theo đề nghị các Sở, ban, ngành đảm bảo theo thời gian quy định.

- Về thực hiện cơ chế một cửa theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-VPUB ngày

27/5/2020 về việc điều chuyển nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh sang Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Theo đó, từ ngày 01/6/2020, việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

3.1. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy:

- Văn phòng đã xây dựng và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ sở pháp lý trong việc tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm và thực hiện các chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức; sắp xếp lại tổ chức bộ máy, hoạt động hiệu quả, cơ cấu lại đội ngũ công chức cho phù hợp theo năng lực, sở trường... Triển khai Kế hoạch tổ chức thi tuyển các chức danh Trưởng, Phó phòng chuyên môn thuộc Văn phòng; tiến hành sắp xếp, bố trí công chức, viên chức các phòng chuyên môn đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Thực hiện Công văn số 3539/UBND-VXNV ngày 02/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; Công văn số 2840/SNV-TCBM ngày 07/10/2020 của Sở Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 92-KH/TU ngày 21/02/2018 của Tỉnh ủy và đề xuất Phương án sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ đối với các phòng, ban chuyên môn hiện nay tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo về cơ cấu tổ chức, số lượng phòng, ban theo quy định.

3.2. Việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị:

- Thực hiện Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ, Đảng ủy, lãnh đạo Văn phòng đã phối hợp với Công đoàn xây dựng các nội quy, quy định về thực hiện Quy chế văn hóa công sở trong đơn vị và hướng dẫn thực hiện theo Quyết định số 44/QĐ-VPUB ngày 09/6/2009 của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế thực hiện văn hóa công sở và Quy tắc ứng xử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Đảng ủy, lãnh đạo Văn phòng chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc thường xuyên quán triệt đến 100% đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc Quy chế văn hóa công sở tại cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện đầy đủ và đúng các quy định về nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; chấp hành và thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao theo quy định tại Quyết định của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Quy chế dân chủ cơ sở, Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế chi tiêu nội bộ, niêm yết công

khai, minh bạch các thủ tục hành chính mục tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; nội quy cơ quan, lịch tiếp công dân; lịch công tác... Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy chế khác trong hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện đề cấp ủy chi bộ, thủ trưởng cơ quan thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức và tạo mọi điều kiện cho công chức, viên chức và người lao động tham gia quản lý đơn vị, gắn liền với việc bảo đảm sự lãnh đạo của chi bộ ở cơ quan, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chế độ thủ trưởng và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng trong cơ quan, đơn vị.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức:

4.1. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị định số 108/2014/NĐ-VP:

- Tiếp tục triển khai thực hiện tinh giản biên chế thực hiện theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Kế hoạch số 2549/KH-UBND ngày 22/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế, Công văn số 1435/SNV-CCVC ngày 17/6/2015 của Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 2113/KH-VPUB ngày 30/9/2015 triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế (2015 -2021), báo cáo kế hoạch thu hồi biên chế giai đoạn 2015-2030.

- Thực hiện kế hoạch thu hồi biên chế giai đoạn 2015 - 2030, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo và xây dựng kế hoạch thu hồi biên chế đến năm 2030 của cơ quan, đơn vị (Công văn số 907/VPUB-HCTC ngày 28/3/2019 về việc báo cáo kế hoạch thu hồi biên chế đến năm 2030).

- Văn phòng Ủy ban nhân dân đã triển khai thực hiện chế độ đánh giá, phân loại cán bộ, công chức đúng định kỳ và theo chỉ đạo tại Công văn số 799/UBND-NC ngày 27/2/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quyết định 44/2020/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức. Việc hàng tháng, quý của các phòng, đơn vị trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, làm cơ sở để lãnh đạo Văn phòng tổ chức xét, đánh giá hàng quý, năm, là căn cứ để bình xét thi đua, khen thưởng và đưa vào kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm đối với cá nhân có 02 năm liền không hoàn thành nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị theo quy định.

4.2. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện kịp thời, đúng quy định, theo kế hoạch hàng năm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, các kỹ năng kiến thức bổ trợ theo yêu cầu trong công tác và chuẩn hóa tiêu chuẩn ngạch, chức danh, chức vụ hiện tại, quy hoạch và có định hướng sử dụng lâu dài sau khi đào tạo ngày càng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong công tác tham mưu tổng hợp, phục vụ cho công tác điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Cải cách tài chính công:

- Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo phát huy quyền dân chủ cho cán bộ, công chức trong việc thực hiện các chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nghỉ dưỡng sức, phụ cấp làm thêm giờ, thêm việc và các chế độ, chính sách khác. Trong năm đã giải quyết chế độ nghỉ lễ, tết... đảm bảo theo quy định và tình hình thực tế của cơ quan.

- Cập nhật kịp thời các Quyết định mới nhất đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 để thực hiện thanh toán đúng chế độ, cụ thể như: Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 quy định một số nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Chấp hành chế độ quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản nhà nước do ngân sách nhà nước cấp, cụ thể: Chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách theo Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn khác, chi theo quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành.

- Cập nhật kịp thời những quy định mới nhất trong công tác quản lý tài chính ngân sách, cụ thể: Chấp hành việc mở sổ và hạch toán kế toán theo đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; sử dụng hiệu quả phần mềm bảo hiểm xã hội trong việc thanh toán chế độ thai sản, nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau thai sản cho công chức, viên chức Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đúng quy định.

6. Hiện đại hóa nền hành chính:

- Nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 21/2012/CT-UBND ngày 08/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; Công văn số 63/UBND-KTTH ngày 09/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam về gửi, nhận văn bản điện tử; Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ và quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã đẩy mạnh việc ứng dụng phần mềm “Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TDOffice)” trong quản lý và điều hành công việc; tăng cường việc sử dụng hệ thống thư điện tử (Email) để trao đổi, cung cấp thông tin, gửi, nhận văn bản; chứng thư số, ký số các loại văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được phát hành đi trong nội bộ các cơ quan trong tỉnh và trên trực liên thông với các bộ ngành Trung ương được thực hiện tốt dưới dạng văn bản điện tử (không phát hành văn bản giấy trong nội bộ văn phòng) góp phần giảm bớt giấy tờ hành chính, thực hiện tốt chương trình tiết kiệm, chống lãng phí. Hiện nay tại các phòng, đơn vị thuộc Văn phòng đều sử dụng, khai thác tốt phần mềm Hệ Chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD. Office); sử dụng mạng nội bộ (mạng

LAN) trong trao đổi công việc; 100% công chức, viên chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc; thực hiện kết nối và phát hành văn bản qua phần mềm “Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc” đến tất cả đơn vị, giúp thực hiện gửi Văn bản đi và Giấy mời từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đến các đơn vị, đảm bảo việc xử lý công việc được kịp thời, nhanh chóng.

- Thực hiện Quy chế về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã cử đào tạo, tập huấn về công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm nâng cao nhận thức về mức độ quan trọng của việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; tham gia các lớp đào tạo chuyên sâu an toàn thông tin để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức; Bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá mức độ đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống mạng nội bộ (LAN) gồm: máy chủ, máy trạm, thiết bị mạng, phần cứng, phần mềm hệ thống và các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng nhằm đánh giá tổng thể mức độ an toàn thông tin mạng, kịp thời phát hiện và xử lý sự cố, lỗ hổng, ngăn chặn, bóc gỡ mã độc tấn công vào hệ thống mạng. Triển khai cài đặt phần mềm chống virus cho tất cả các máy chủ, máy trạm trong hệ thống mạng; Thường xuyên cập nhật phiên bản mới, bản vá lỗi của hệ điều hành, phần mềm chống virus. Kiểm soát chặt chẽ cài đặt phần mềm trên máy chủ, máy trạm, không cài đặt phần mềm không rõ nguồn gốc. Định kỳ thực hiện việc sao lưu cơ sở dữ liệu ổ cứng di động để đảm bảo việc an toàn dữ liệu.

- Thực hiện Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong các văn bản chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiến hành xây dựng phần mềm quản lý phần mềm “Hệ văn bản chỉ đạo điều hành” tỉnh Ninh Thuận. Phần mềm này kết nối liên thông từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đến 19 Sở và 07 Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nhằm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra chặt chẽ thông tin cập nhật về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên Hệ văn bản chỉ đạo điều hành và số liệu trong các báo cáo của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Thông qua thực hiện Quy chế theo dõi nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã hỗ trợ tốt cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai chỉ đạo kịp thời các nhiệm vụ giao cho các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giúp theo dõi tiến độ xử lý công việc, tránh tình trạng bỏ sót và thực hiện chậm trễ các công việc đã giao.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai thực hiện và mở rộng, nâng cấp chất lượng mạng nội bộ (mạng LAN), mạng Internet vào công tác quản lý, chỉ đạo điều hành.

- Tiếp tục cải tiến quy trình tiếp nhận, chuyển văn bản; theo đó bộ phận Văn thư được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý chuyển văn bản đến cho chuyên viên phụ trách, góp phần tiết kiệm thời gian xử lý văn bản đến và hạn chế việc chuyển văn bản sai tuyến; tiếp tục áp dụng tốt phần mềm theo dõi quá trình, kết quả giải quyết của lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hồ sơ trình ký ban hành của chuyên viên Văn phòng, giúp theo dõi, truy xuất hồ sơ tham mưu...

- Tiếp tục duy trì các thư mục dùng chung trong nội bộ Văn phòng để chia sẻ thông tin về cải cách hành chính và các lĩnh vực khác, giúp việc trao đổi, thông tin được nhanh, thuận lợi, giúp khai thác và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào hoạt động tại cơ quan.

- Hiện nay, tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đang quản lý hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến Chính phủ. Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến Chính phủ giúp kết nối tốt các cuộc họp trực tuyến của Chính phủ, chất lượng về đường truyền hình ảnh, âm thanh hoạt động hiệu quả. Cơ bản hệ thống họp trực tuyến đã phục vụ tốt cho các hoạt động hội nghị truyền hình trực tuyến của Chính phủ và Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh tới các huyện, thành phố; đồng thời, Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh tích hợp chung với Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến Chính phủ thực hiện có hiệu quả các cuộc họp định kỳ tháng, quý, 6 tháng, năm của Ủy ban nhân dân tỉnh với các huyện, thành phố, qua đó giảm được chi phí đi lại cho các địa phương, đồng thời gia tăng hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các Sở, ngành và địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Ưu điểm:

Công tác cải cách hành chính tại Văn phòng đã được thực hiện nghiêm túc, triển khai đồng bộ các lĩnh vực, đặc biệt tiếp tục đẩy mạnh có hiệu quả công tác hiện đại hóa hành chính, phối hợp có hiệu quả với Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các Sở, ngành liên quan trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính và cải cách thủ tục hành trên địa bàn tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Về cải cách tài chính công: Việc tiết kiệm kinh phí hành chính để tăng thu nhập cho công chức, viên chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh còn khó khăn.

- Do đặc thù công việc tham mưu, giúp việc của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, công tác luân chuyển, bố trí cán bộ, công chức cũng phần nào ảnh hưởng đến công tác phân công, bố trí công chức, viên chức phụ trách công tác cải cách hành chính.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TỚI:

1. Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2022, Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2022;

Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 07/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường thực hiện nghiêm minh kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Công văn số 1186/UBND-VXNV ngày 27/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đổi mới, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác quản lý và thực hiện nghiêm kỷ luật kỷ cương hành chính tại các Sở, ban, ngành và địa phương.

2. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, tăng cường công tác tham mưu rà soát ban hành, sửa đổi hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội; chỉ đạo Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoạt động hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính và mang lại sự hài lòng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

3. Tiếp tục thực hiện tốt các Nghị quyết chuyên đề của Đảng ủy: Nghị quyết chuyên đề số 11-NQ/ĐUVP ngày 15/4/2016 về tăng cường lãnh đạo công tác phối hợp giữa đảng viên, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và việc đăng tải thông tin lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Nghị quyết chuyên đề số 04-NQ/ĐUVP ngày 10/3/2020 về tăng cường lãnh đạo đối với công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động hành chính.

4. Tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức được học tập, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng hành chính, hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh theo quy định. Hoàn thành việc sắp xếp, phân công, điều chuyển công chức, viên chức... để đảm bảo tham mưu xử lý, giải quyết công việc phù hợp, thông suốt.

5. Nâng cao ý thức tự giác cho công chức, viên chức trong cơ quan chấp hành nghiêm kỷ luật kỷ cương hành chính và tham mưu xử lý công việc bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ quy định. Tiếp tục duy trì hoạt động Tổ kiểm tra kỷ luật kỷ cương hành chính đối với việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện quy chế văn hóa công sở tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời tham gia kiểm tra với Tổ kiểm tra, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính của tỉnh.

6. Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và chỉ đạo điều hành. Đẩy mạnh triển khai sử dụng phần mềm Hệ Chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc, phần mềm Chỉ đạo điều hành và Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ quy định.

7. Duy trì áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Công khai, dân chủ trong điều hành và chấp hành các quy định của Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để tăng cường sự giám sát, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ.

B. NHIỆM VỤ PHỐI HỢP VỚI CÁC SỞ, NGÀNH TRONG NĂM 2022

Tiếp tục theo dõi, phối hợp Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành hiệu quả về cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính; rà soát các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao các Sở, ngành và địa phương; chấm điểm, đánh giá, phân loại kết quả công tác cải cách hành chính của

các cơ quan, đơn vị; ban hành các văn bản khác liên quan đến công tác cải cách hành chính.

Trên đây là Báo cáo kết quả cải cách hành chính năm 2021, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Sở Nội vụ tổng hợp theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ;
- VPUB: LĐ, CV;
- Lưu: VT. VXNV. ĐNĐ

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Võ Minh Tâm

PHỤ LỤC

Kết quả Cải cách hành chính năm 2021

(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPUB

ngày tháng năm 2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản		
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	91	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	490	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1821	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	1404	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	269	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	148	
3.2.	Vận hành Công dịch vụ công			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1685	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1054	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	1127	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	71	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	95	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	90	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,9	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	99,7	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	100	
3.5.	Vận hành Công dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	1796	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên	Thủ tục	1560	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Công DVC			
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	1560	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
Tron g đó	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	tuyển, xét tuyển).			
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>thời điểm báo cáo)</i>			
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Tron g đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Tron g đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%		
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến	TTHC		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	mức độ 4			
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%		
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%		
